

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG UBND TỈNH

Chương: 405

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 03 T

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-VPUBND ngày /10/2026 của UBND tỉnh)

ĐVT

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 03 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	82.908	10.738	13
	Nguồn ngân sách nhà nước	82.908	10.738	13
1	Chi quản lý hành chính	74.469	10.703	14
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	40.384	6.859	17
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (12)	34.082	3.845	11
1.3	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ (14)	2		0
2	Sự nghiệp kinh tế (Loại 280-338)	931	35	4
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	931	35	4
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ (100-121)	7.508	0	0
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0		
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	7.508		0

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG UBND TỈNH**Chương: 405****CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 03 THÁNG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-VPUBND ngày /10/2026 của Văn phòng UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 03 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	82.908	10.738	13	
	Nguồn ngân sách nhà nước	82.908	10.738	13	
1	Chi quản lý hành chính	74.469	10.703	14	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	40.384	6.859	17	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (12)	34.082	3.845	11	
1.3	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ (14)	2		0	
2	Sự nghiệp kinh tế (Loại 280-338)	931	35	4	
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	931	35	4	
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ (100-121)	7.508	0	0	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0			
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	7.508		0	

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG UBND TỈNH**Chương: 405****CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 06 T**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-VPUBND ngày /10/2026 của UBND tỉnh)

ĐVT

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 06 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	85.574	24.827	29
	Nguồn ngân sách nhà nước	85.574	24.827	29
1	Chi quản lý hành chính	77.135	24.572	64
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	40.384	14.984	37
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (12)	36.080	9.588	27
1.3	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ (14)	2		0
1.4	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (18)	668		
2	Sự nghiệp kinh tế (Loại 280-338)	931	255	27
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	931	255	27
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ (100-121)	7.508	0	0
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0		
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	7.508		0

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG UBND TỈNH**Chương: 405****CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 06 THÁNG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-VPUBND ngày /10/2026 của Văn phòng UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 06 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	85.574	24.827	29	
	Nguồn ngân sách nhà nước	85.574	24.827	29	
1	Chi quản lý hành chính	77.135	24.572	64	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	40.384	14.984	37	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (12)	36.080	9.588	27	
1.3	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ (14)	2		0	
1.4	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (18)	668			
2	Sự nghiệp kinh tế (Loại 280-338)	931	255	27	
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	931	255	27	
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ (100-121)	7.508	0	0	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0			
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	7.508		0	

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG UBND TỈNH**Chương: 405****CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 09 T**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-VPUBND ngày /10/2026 của UBND tỉnh)

ĐVT

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 09 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	81.441	42.199	52
	Nguồn ngân sách nhà nước	81.441	42.199	52
1	Chi quản lý hành chính	73.050	39.729	54
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	39.617	23.304	59
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (12)	32.762	16.426	50
1.3	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (14)	2		0
1.4	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (18)	668		
2	Sự nghiệp kinh tế (Loại 280-338)	883	498	56
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	883	498	56
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ (100-121)	7.508	1.971	26
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0		
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	7.508	1.971	26

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG UBND TỈNH**Chương: 405****CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 09 THÁNG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-VPUBND ngày /10/2026 của Văn phòng UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 09 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	81.441	42.199	52	
	Nguồn ngân sách nhà nước	81.441	42.199	52	
1	Chi quản lý hành chính	73.050	39.729	54	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	39.617	23.304	59	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (12)	32.762	16.426	50	
1.3	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (14)	2		0	
1.4	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (18)	668			
2	Sự nghiệp kinh tế (Loại 280-338)	883	498	56	
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	883	498	56	
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ (100-121)	7.508	1.971	26	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0			
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	7.508	1.971	26	